TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 224/2021/HNGĐ-ST Ngày: 07 – 7 – 2021 V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;

2. Bà Dương Thị Thúy Duy.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 171/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 334/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 369/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Ng, sinh năm 1994; địa chỉ: Tổ 20, ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ 09, ấp VH, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Kim Ng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Hoàng N vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 27/4/2021 của bà Nguyễn Thị Kim Ng; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Ng và ông Nguyễn Hoàng N tự tìm hiểu, yêu thương, được gia đình đồng ý cho tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào ngày 27/11/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn AP, huyện AP, tỉnh

An Giang (theo bản sao Trích lục kết hôn số 198/TLKH-BS ngày 07/5/2019).

Sau khi kết hôn bà Ng và ông N sinh sống tại gia đình bà Ng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2020 thì bà Ng phát hiện ông N cờ bạc dẫn đến nợ nần rất nhiều và bà Ng phải đứng ra gánh nợ cho ông N, bà Ng khuyên nhủ và cho ông N cơ hội sửa đổi nhưng ông N không thay đổi. Đến cuối năm 2020, bà Ng và ông N sống ly thân nhau cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Ng và ông N sinh được 01 (một) con chung tên: Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 17/9/2019. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà Ng. Bà Ng yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông N để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 25/5/2021 nhưng ông N vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N, ông N cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 02/7/2021, bà Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt khi xét xử vụ án do hiện đang nuôi con nhỏ và tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà Ng giao nộp: Bản chính bản tự khai; Bản sao trích lục kết hôn số 198 ngày 07/5/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn AP, huyện AP; Bản sao Trích lục khai sinh số 506/TLKS-BS ngày 01/10/2019 mang tên Nguyễn Hoàng D; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Tống Thị B; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Kim Ng; bản sao Bản tự khai và bản photo căn cước công dân cùng mang tên Tống Thị B.

Tại phiên tòa, do bà Ng và ông N cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà Ng, bản tự khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo bản tự khai ngày 02/7/2021, bà Tống Thị B cho biết: Về nguyên nhân và điều kiện đi đến hôn nhân, thời gian kết hôn thì bà thống nhất theo lời trình bày của bà Ng.

Sau khi kết hôn, bà Ng và ông N sinh sống cùng bà B. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2020 thì gia đình bà B phát hiện ông N cờ bạc dẫn đến nợ nần, bà B cùng bà Ng đã nhiều lần đứng ra trả nợ cho ông N đồng thời khuyên nhủ ông N để vợ chồng sống với nhau hạnh phúc cùng nuôi dạy con chung. Tuy nhiên, ông N không thay đổi. Đến cuối năm 2020, bà Ng và ông N sống ly thân nhau cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Về con chung: Quá trình chung sống, bà Ng và ông N sinh được 01 (một) con chung tên: Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 17/9/2019. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà Ng. Về tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Do tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp nên bà yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Nguyễn Hoàng N vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà Nguyễn Thị Kim Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà Ng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà Ng và ông N đã đến mức trầm trọng, cả hai sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 nên đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn. Về con chung, do con chung dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy con chung của bà Ng, ghi nhận sự tự nguyện của bà Ng về việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng để nuôi dạy con chung. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Nguyễn Hoàng N đều vắng mặt không rõ lý do; đồng thời, ông N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Như vậy, ông N đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; người làm chứng có yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà Ng và ông N hình thành do tự tìm hiểu và được gia đình đồng ý cho tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào năm 2017, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn AP, huyện AP cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 07/5/2019. Ông N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp VH, xã VL, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Ng cho rằng, quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2020 thì bà Ng phát hiện ông N cờ bạc dẫn đến nợ nần rất nhiều và bà phải đứng ra gánh nợ cho ông N, bà khuyên nhủ và cho ông N cơ hội sửa đổi nhưng ông N không thay đổi. Do đó, đến cuối năm 2020 hai người ly thân nhau cho đến nay. Không hàn gắn tình cảm. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông N. Người làm chứng bà Tống Thị B xác nhận mâu thuẫn theo lời trình bày của bà Ng, bản thân bà B đã động viên, khuyên nhủ ông N, hòa giải cho bà Ng và ông N để hàn gắn tình cảm nhưng quan hệ hôn nhân của cả hai không cải thiện.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà Ng và ông N lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Gia đình đã động viên, hòa giải nhưng quan hệ hôn nhân của bà Ng và ông N cũng không được cải thiện, việc cả hai đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2020 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Ng và ông N đã thật sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kèo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ng theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Ng và ông N sinh được 01 (một) con chung tên: Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 17/9/2019. Hiện con chung đang sinh sống cùng bà Ng. Bà Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà Ng, xét thấy con chung hiện nay dưới 36 tháng tuổi, từ khi sinh ra cho đến nay đều do bà Ng chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quyết định để bà Ng được trực tiếp nuôi dạy con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà Ng về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung đối với người không trực tiếp nuôi con chung, cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung, nhưng bà Ng vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định công nhận sự tự nguyện của bà Ng trong việc không yêu cầu ông N cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Ông Nguyễn Hoàng N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị Kim Ng. Ngược lại, bà Nguyễn Thị Kim Ng cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Hoàng N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này ông N có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Ng và ông N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Ng.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim Ng được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng N.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kim Ng được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Nguyễn Hoàng D, sinh ngày 17/9/2019. Ông Nguyễn Hoàng N không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Ông Nguyễn Hoàng N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của bà Nguyễn Thị Kim Ng. Ngược lại, bà Nguyễn Thị Kim Ng cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Hoàng N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị Kim Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà Ng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0007117 ngày 05/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Hoàng N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim Ng và ông Nguyễn Hoàng N. Bà Ng và ông N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 07/5/2019 (theo bản sao Trích lục kết hôn số 198 ngày 07/5/2019) của Ủy ban nhân dân thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Thị Kim Ng và ông Nguyễn Hoàng N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện AP (1);
- UBND thị trấn AP (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Tuân